

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/DS-ST
Ngày: 10-4-2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 479/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 6 ấp T, trị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bà T ủy quyền cho Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990. Địa chỉ: B ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung N1, sinh năm: 1982, bà Sơn Thị Trúc L, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 5 ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N1, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/02/2024 bà Nguyễn Thị Mộng T có cho vợ chồng ông Nguyễn Trung N1 và vợ là bà Sơn Thị Trúc L vay số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng). Lãi suất vay thỏa thuận 1.6%/tháng, mục đích vay làm kinh tế gia đình, thời hạn trả

01 tháng kể từ ngày 19/02/2024 (hạn trả là 19/03/2024). Cùng ngày 19/02/2024 ông Nguyễn Trung N1 đại diện đứng ra cùng bà T ký kết Hợp đồng vay tiền tại Văn Phòng C, P.

Đến nay đã quá hạn cam kết trả nợ dù bà T có nhiều lần đòi nợ nhưng Nguyễn Trung N1 và vợ là Sơn Thị Trúc L vẫn không trả khoản vay và lãi.

Nhận thấy quyền lợi bị xâm phạm nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trung N1 và vợ bà Sơn Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả lại bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền còn nợ là 72.000.000 đồng.

Đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày vay (ngày 19/02/2024) cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 1,6%/tháng.

Tạm tính cụ thể như sau:

13 tháng 21 ngày x 1,6%/tháng x 72.000.000 đồng = 15.782.400 đồng.

Tổng cộng lãi và gốc là 87.782.400 đồng.

Bị đơn Nguyễn Trung N1 và Sơn Thị Trúc L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre phát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92 BLTTDS; áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 BLDS năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T, buộc ông Nguyễn Trung N1 và bà Sơn Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền gốc là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng) và lãi suất của số tiền trên theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 72.000.000 đồng, lãi tạm tính cho đến ngày xét xử là 15.782.400 đồng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 19/02/2024 tại Văn phòng C1.

2.2 Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Thông báo về phiên Công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải cho ông N1, bà L để tham gia phiên công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông N1, bà L không có mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng ông N1, bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được có căn cứ xác định ông Nguyễn Trung N1 và vợ bà Sơn Thị Trúc L còn nợ bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền gốc là 72.000.000 đồng.

2.3 Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Theo hợp đồng vay tiền được công chứng ngày 19/02/2024 các bên thỏa thuận lãi suất trong thời hạn 01 tháng là 1,6%/tháng. Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự: Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...(tương đương 1,66%/tháng). Do đó, việc các bên thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng là không vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định.

Số tiền lãi được xác định cụ thể như sau:

Từ ngày 19/02/2024 đến khi xét xử ngày 10/4/2025: Số tiền 72.000.000 đồng x 1,6% x 13 tháng 21 ngày = 15.782.400 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc ông Nguyễn Trung N1 và bà Sơn Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mộng T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/4/2025 là: 87.782.400 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T đối với ông Nguyễn Trung N1 và bà Sơn Thị Trúc L.

Buộc ông Nguyễn Trung N1 và bà Sơn Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mộng T tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử với tổng số tiền là 87.782.400 (T1 mười bảy triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 4.389.120 (Bốn triệu ba trăm tám mươi chín nghìn một trăm hai mươi) đồng, ông Nguyễn Trung N1 và bà Sơn Thị Trúc L có nghĩa vụ liên đới nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền 2.002.550 (Hai triệu không trăm lẻ hai nghìn năm trăm năm mươi) đồng theo biên lai số 0005859 ngày 17/10/2024.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí

